

QUY ĐỊNH

TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC (Kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKH-CN ngày 11/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này áp dụng đối với việc tuyển chọn, xét chọn các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước (sau đây gọi tắt là tuyển chọn, xét chọn).

2. Các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ KH-CN) thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này bao gồm:

a) Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc các chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước giai đoạn 2006 - 2010 (sau đây gọi tắt là chương trình) và các Đề tài KH-CN độc lập cấp nhà nước (sau đây gọi chung là Đề tài);

b) Dự án sản xuất thử nghiệm thuộc các chương trình và các Dự án sản xuất thử nghiệm độc lập cấp nhà nước (sau đây gọi chung là Dự án SXTN).

3. Việc tuyển chọn, xét chọn đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc các đối tượng quy định tại điểm a và b Khoản 2 Điều này được quy định tại các văn bản khác.

Điều 2. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH-CN

1. Tuyển chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện các nhiệm vụ KH-CN theo đặt hàng của Nhà nước thông qua việc xem xét, đánh giá các Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí nêu trong Quy định này.

2. Tuyển chọn được áp dụng cho nhiệm vụ KH-CN có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện.

Điều 3. Xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Xét chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo đặt hàng của Nhà nước thông qua việc xem xét, đánh giá Hồ sơ do tổ chức, cá nhân có năng lực và điều kiện cần thiết được giao trực tiếp chuẩn bị, trên cơ sở những yêu cầu, tiêu chí nêu trong Quy định này đối với các loại nhiệm vụ KH&CN sau:

1. Nhiệm vụ thuộc bí mật quốc gia, đặc thù của an ninh, quốc phòng.
2. Một số nhiệm vụ KH&CN cấp bách.
3. Nhiệm vụ KH&CN mà nội dung chỉ có một tổ chức KH&CN hoặc cá nhân có đủ điều kiện về chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ KH&CN đó.
4. Dự án SXTN.

Điều 4. Nguyên tắc tuyển chọn, xét chọn

1. Việc tuyển chọn phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định có thể đăng ký tham gia.

2. Việc xét chọn được thông báo bằng văn bản đến các tổ chức, cá nhân dự kiến giao trực tiếp chủ trì các nhiệm vụ KH&CN.

3. Việc tuyển chọn và xét chọn được thực hiện thông qua Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn do Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập.

4. Việc đánh giá Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được tiến hành bằng cách chấm điểm theo các tiêu chí cụ thể cho Đề tài và Dự án SXTN quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Quy định này.

5. Mỗi nhiệm vụ KH&CN đưa ra tuyển chọn, xét chọn khi đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Quy định này thì chỉ có nhiều nhất 01 hồ sơ được đề nghị trúng tuyển.

6. Khuyến khích việc hợp tác thực hiện nhiệm vụ KH&CN giữa các tổ chức, các cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ.

Điều 5. Điều kiện tham gia tuyển chọn, xét chọn

1. Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN có quyền tham gia tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

2. Cá nhân đăng ký tuyển chọn làm chủ nhiệm vụ KH&CN phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Có chuyên môn đào tạo phù hợp, trình độ đại học trở lên và đang hoạt động trong cùng chuyên ngành khoa học với nhiệm vụ KH&CN trong 5 năm gần đây, tính từ thời điểm nộp hồ sơ.

b) Là người đề xuất ý tưởng chính và chủ trì tổ chức xây dựng Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN.

c) Bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

3. Cá nhân không được tham gia đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước nếu đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ:

a) Đang chủ trì từ một (01) nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước trở lên (kể cả trường hợp đã có Biên bản đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước nhưng ở mức “Không đạt”), bao gồm: đề tài, dự án SXTN thuộc các Chương trình; đề tài, dự án SXTN độc lập; các nhiệm vụ nghiên cứu theo Nghị định thư hợp tác KH&CN; các nhiệm vụ thuộc các dự án khoa học và công nghệ.

b) Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo Hợp đồng thực hiện các dự án SXTN độc lập, các dự án SXTN thuộc Chương trình KH&CN, dự án SXTN thuộc Dự án KH&CN và các Dự án nhập công nghệ đã được giao.

4. Cá nhân chủ trì các nhiệm vụ cấp Nhà nước giai đoạn 2001-2005 và 2006-2010 không được tham gia tuyển chọn, xét chọn chủ trì các nhiệm vụ KH&CN trong thời gian hạn định trong các trường hợp sau:

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước ở mức “Không đạt” và không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả; hoặc nhiệm vụ KH&CN bị cơ quan quản lý có thẩm quyền quyết định đình chỉ trong quá trình thực hiện do sai phạm thì không được tham gia tuyển chọn, xét chọn trong hai (02) năm, tính từ thời điểm có Kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước, hoặc từ thời điểm có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ thực hiện nhiệm vụ.

b) Vi phạm quy định hiện hành về đánh giá nghiệm thu Đề tài KH&CN cấp Nhà nước trong việc nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở chậm so với thời hạn kết thúc Hợp đồng nghiên cứu từ sáu (06) tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ, sẽ không được tham gia tuyển chọn, xét chọn trong thời gian tương ứng như sau:

- Một (01) năm, tính từ thời điểm nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế nếu nộp chậm từ sáu (06) tháng đến dưới 24 tháng;

- Hai (02) năm, tính từ thời điểm nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế nếu nộp chậm từ 24 tháng trở lên.

5. Xác nhận điều kiện tham gia tuyển chọn, xét chọn:

a) Tổ chức chủ trì mở Hồ sơ thực hiện việc xác nhận các điều kiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này khi mở Hồ sơ.

b) Các vụ chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban chủ nhiệm Chương trình theo phạm vi quản lý các Đề tài, Dự án SXTN của mình thực hiện việc xác nhận điều kiện tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này trước khi mở Hồ sơ.

Điều 6. Điều kiện trúng tuyển

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề nghị trúng tuyển chủ trì đề tài, dự án SXTN theo quy định tại điểm 2.4.b.1 (đối với Đề tài) và 2.4.b.2 (đối với Dự án SXTN) Khoản 2 Điều 16 và ý kiến đồng ý của Ban chủ nhiệm chương trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Quy định này (đối với Đề tài, Dự án SXTN thuộc Chương trình).

2. Cá nhân đồng thời đăng ký chủ trì từ 02 nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước trở lên, nếu các Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được đề nghị trúng tuyển theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì chỉ được lựa chọn chủ trì 01 nhiệm vụ.

CHƯƠNG II

THÔNG BÁO VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN

Điều 7. Thông báo tuyển chọn, xét chọn

Hằng năm, việc thông báo tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước được Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện như sau:

1. Thông báo tóm tắt về việc tuyển chọn Đề tài được thực hiện trên Chương trình VTV1 của Đài Truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam, Báo Nhân dân và Báo Sài Gòn giải phóng. Thông báo chi tiết được đăng đầy đủ trên Báo Khoa học và Phát triển, trên các trang tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (<http://www.most.gov.vn/>), (<http://www.tchdkh.org.vn/>), (<http://www.vista.gov.vn/>).

2. Thông báo về việc xét chọn Đề tài, Dự án SXTN được thực hiện bằng phương thức gửi văn bản đến các tổ chức được giao trực tiếp chuẩn bị Hồ sơ.

3. Ban Chủ nhiệm Chương trình phối hợp với Văn phòng các Chương trình thực hiện việc thông báo đối với Đề tài, Dự án SXTN thuộc các Chương trình. Các vụ chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thông báo đối với Đề tài, Dự án SXTN độc lập.

4. Nội dung thông báo theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 8. Bộ Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn

Bộ Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn gồm những văn bản, tài liệu dưới đây:

1. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN theo biểu mẫu quy định (Biểu B1 -1-ĐONTC);

2. Thuyết minh Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (gọi tắt là Đề tài KH&CN), thuyết minh Dự án SXTN theo mẫu quy định (Biểu B1 -2-TMĐT và Biểu B1 -2-TMDA tương ứng);

3. Tóm tắt hoạt động KH &CN của tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN (Biểu B1 -3-LLTC);

4. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì và các cá nhân đăng ký thực hiện chính Đề tài, Dự án SXTN (theo danh sách kê khai tại mục 12 của thuyết minh Đề tài, mục 11 của thuyết minh Dự án)- Biểu B1-4-LLCN;

5. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện Đề tài, Dự án SXTN (theo danh sách kê khai tại mục 12 của thuyết minh Đề tài, mục 11 của thuyết minh Dự án phối hợp nghiên cứu - nếu có) - Biểu B1-5-PHNC.

6. Các văn bản chứng minh không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 5 của Quy định này-nếu có (bản sao Biên bản nghiệm thu của Hội đồng KH&CN cấp Nhà nước, chứng từ nộp kinh phí thu hồi,..).

7. Các văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ nguồn khác đối với Dự án SXTN.

Mỗi văn bản trong Bộ Hồ sơ phải có dấu của tổ chức và chữ ký của cá nhân tương ứng như đã quy định trên từng biểu mẫu.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn (sau đây gọi tắt là Hồ sơ) bao gồm: một (01) bộ Hồ sơ gốc và 15 bản sao bộ Hồ sơ gốc, được đóng gói trong túi Hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ như sau:

1. Tên Đề tài hoặc Dự án SXTN đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn (ghi rõ: tên Đề tài hoặc Dự án SXTN; tên, mã số của Chương trình).

2. Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì và tổ chức tham gia phối hợp thực hiện Đề tài, Dự án SXTN (chỉ ghi danh sách tổ chức đã có xác nhận tham gia phối hợp).

3. Họ tên của cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện (làm chủ nhiệm) Đề tài, Dự án SXTN và Danh sách những người tham gia chính thực hiện Đề tài, Dự án SXTN (chỉ ghi danh sách cá nhân đã có xác nhận tham gia phối hợp).

4. Danh mục tài liệu, văn bản có trong Hồ sơ.

Điều 10. Nộp Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn

1. Nơi nhận Hồ sơ: Theo thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Hình thức nộp Hồ sơ: Gửi qua Bưu điện hoặc nộp trực tiếp.

3. Hồ sơ phải nộp đúng hạn theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.
4. Ngày chứng thực nhận Hồ sơ là ngày ghi ở dấu của Bưu điện Hà Nội (trường hợp gửi qua Bưu điện) hoặc dấu đến của cơ quan tiếp nhận Hồ sơ (trường hợp nộp trực tiếp).
5. Trong thời hạn quy định nộp Hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn có quyền rút Hồ sơ đã nộp để thay bằng Hồ sơ mới hoặc bổ sung Hồ sơ đã nộp. Việc thay Hồ sơ mới và bổ sung Hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của Hồ sơ.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN

Điều 11. Mở Hồ sơ

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình: Ban Chủ nhiệm Chương trình chịu trách nhiệm mở Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn. Đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ, Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn, các cơ quan liên quan và đại diện các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được chỉ định xét chọn được mời tham dự.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN độc lập: Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm mở Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn. Đại diện Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn, các cơ quan liên quan và đại diện các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được mời tham dự.

3. Hồ sơ hợp lệ là Hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu và đáp ứng được các yêu cầu quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 5, Điều 8 và các khoản 3 và 5 Điều 10 của Quy định này.

Đối với Dự án SXTN, ngoài những yêu cầu nêu trên, Hồ sơ đăng ký tham gia xét chọn chỉ được coi là hợp lệ khi có các văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học đạt ít nhất 70% tổng kinh phí đầu tư dự kiến cần thiết để triển khai.

Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá.

4. Quá trình mở Hồ sơ được ghi thành Biên bản (theo Phụ lục I - Biểu B2-1-BBHSTC).

Điều 12. Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, xét chọn

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập các Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn cho các nhiệm vụ KH&CN (sau đây gọi là Hội đồng) trên cơ sở đề xuất của Ban chủ nhiệm Chương trình (đối với Đề tài, Dự án SXTN

thuộc Chương trình) hoặc đề xuất của các vụ chức năng (đối với các Đề tài, Dự án SXTN độc lập). Mỗi Hội đồng chỉ thực hiện tư vấn cho một nhiệm vụ KHCN.

2. Hội đồng gồm từ 9 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác. Thành phần của Hội đồng gồm:

- 2/3 là các chuyên gia có uy tín, có tinh thần trách nhiệm, có trình độ, chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học được giao tư vấn và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm hoạt động gần đây trong chuyên ngành khoa học được giao tư vấn.

- 1/3 là đại diện của các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan hoạch định chính sách, bộ, ngành, tổng công ty, tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KHCN.

Các chuyên gia, đặc biệt là các uỷ viên phản biện, đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KHCN được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ tương ứng.

3. Cá nhân không tham gia Hội đồng trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân đăng ký chủ trì và tham gia thực hiện Đề tài, Dự án SXTN.

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN. Trong trường hợp cần thiết, thành viên Hội đồng có thể là cán bộ đang công tác tại tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN nhưng không quá 01 người và không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc chuyên gia phản biện.

c) Thành viên Ban chủ nhiệm Chương trình.

4. Các Ban chủ nhiệm chương trình chủ trì, phối hợp với Văn phòng các Chương trình tổ chức các phiên họp Hội đồng tuyển chọn, xét chọn các nhiệm vụ KHCN thuộc các Chương trình.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức các phiên họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn các nhiệm vụ KHCN độc lập và cử các thư ký hành chính giúp việc các Hội đồng.

5. Các thành viên Hội đồng thực hiện đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng. Các chuyên gia phản biện, các thành viên Hội đồng và các Thư ký Hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá tuyển chọn, xét chọn.

Điều 13. Tiêu chí đánh giá tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì Đề tài

Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn được đánh giá theo 2 phần: Đánh giá thuyết minh của Đề tài (Phần 1) và Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài (Phần 2).

Phần 1: Đánh giá thuyết minh Đề tài (tối đa 100 điểm), theo các tiêu chí và thang điểm dưới đây:

<i>Tiêu chí đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>
<i>I. Đánh giá chung về mục tiêu của Đề tài</i> <i>(Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 13 & 15.2 của thuyết minh Đề tài)</i>	<u>10</u>
1. Mức độ phù hợp, rõ ràng và cụ thể của mục tiêu Đề tài so với yêu cầu đặt ra (định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có)	5
2. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước để đặt ra mục tiêu Đề tài	5
<i>II. Tổng quan về tình hình nghiên cứu và luận giải về những nội dung nghiên cứu của Đề tài cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra</i> <i>(Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 15,16 và 17 của thuyết minh Đề tài)</i>	<u>20</u>
3. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước; mức độ cập nhật thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu	5
4. Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng của việc luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu Đề tài	5
5. Tính đầy đủ, phù hợp của các nội dung nghiên cứu cần tiến hành trong khuôn khổ của Đề tài để đạt được mục tiêu đề ra	5
6. Tính khoa học, đầy đủ và logic trong việc luận giải về các nội dung nghiên cứu cần tiến hành của Đề tài	5
<i>III. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng</i> <i>(Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào Mục 18 của thuyết minh Đề tài)</i>	<u>15</u>
7. Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu	5
8. Tính đầy đủ, phù hợp của các phương pháp nghiên cứu đối với các nội dung nghiên cứu chính để đạt được mục tiêu đề ra	5
9. Tính phù hợp của kỹ thuật sử dụng	5
<i>IV. Sản phẩm KH&CN của Đề tài</i> <i>(Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào mục 22 của thuyết minh Đề tài)</i>	<u>20</u>
10. Mức độ đầy đủ và phù hợp của các sản phẩm Đề tài so với yêu cầu theo đặt hàng (nếu có) và so với mục tiêu, nội dung nghiên cứu đặt ra	5
11. Mức độ làm rõ sản phẩm chính của Đề tài	5
12. Mức độ tiên tiến về chất lượng và trình độ KH&CN của các sản phẩm tạo ra so với sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài	5
13. Tính khả thi của sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; của công trình dự kiến công bố trong nước và nước ngoài và của việc đào tạo trên đại học thông qua việc thực hiện Đề tài	5

V. Khả năng ứng dụng các sản phẩm đề tài và tác động của các kết quả nghiên cứu (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 23, 24 và 25 của thuyết minh Đề tài)	<u>15</u>
14. Khả năng về thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra (dự báo nhu cầu thị trường; khả năng cạnh tranh về giá thành, chất lượng, ... so với sản phẩm, công nghệ cùng loại)	5
15. Tính hợp lý và khả thi của phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu và các địa chỉ dự kiến áp dụng	5
16. Tác động và lợi ích dự kiến của kết quả nghiên cứu	5
VI. Tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện Đề tài (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 17, 19, 20, 21 của thuyết minh Đề tài, Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện Đề tài và các bản Tóm tắt hoạt động của Tổ chức, cá nhân tham gia chính thực hiện Đề tài)	<u>20</u>
17. Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp với các tổ chức trong nước và hợp tác quốc tế để thực hiện các nội dung nghiên cứu của Đề tài	5
18. Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch: nội dung, các mốc thời gian phải đạt; khả năng hoàn thành; việc huy động các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để thực hiện Đề tài	5
19. Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của Đề tài; tính hợp lý trong việc bố trí kinh phí cho các nội dung nghiên cứu	5
20. Đánh giá chung về tính logic, hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh đề tài	5
Tổng số	100

Phần 2 : Đánh giá năng lực của cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài - Các tiêu chí khuyến khích (tối đa 14 điểm), theo 2 nhóm tiêu chí dưới đây:

1. Kết quả hoạt động KH&CN liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài xét trong 5 năm gần đây (tối đa 8 điểm) :

<i>Tiêu chí</i>	<i>Điểm tối đa</i>
1. Là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (theo danh mục các tạp chí được Viện ISI công nhận)	2
2. Là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều giải pháp kỹ thuật, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	3
3. Có Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về KH&CN	3

2. Đóng góp cho sản xuất và đời sống (về khoa học công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài), xét trong 5 năm gần đây (tối đa 6 điểm):

<i>Tiêu chí</i>	<i>Điểm tối đa</i>
1. Là tác giả hoặc đồng tác giả của các kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng vào sản xuất, đời sống (được cấp có thẩm quyền xác nhận, có địa chỉ ứng dụng cụ thể)	3
2. Chủ trì hoặc tham gia chính các Dự án SXTN thành công trên cơ sở triển khai kết quả nghiên cứu Đề tài KH&CN từ cấp bộ hoặc tương đương trở lên (có xác nhận của cơ quan quản lý KH&CN)	3

Điều 14. Tiêu chí đánh giá xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì Dự án SXTN

Hồ sơ xét chọn được đánh giá theo các tiêu chí và thang điểm dưới đây (tối đa 100 điểm)

<i>Tiêu chí đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>
<i>I. Giá trị công nghệ của Dự án</i> (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.1, 14.1, 14.2, 15.1 và 15.2,17 của Thuyết minh dự án)	<u>20</u>
1. Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của Dự án so với công nghệ là xuất xứ	5
2. Trình độ công nghệ chủ yếu của Dự án (các chỉ tiêu KT-KT, chỉ tiêu bảo vệ môi trường,...) so với công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước	5
3. Mức độ tiên tiến của sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh môi trường,...) so sánh với sản phẩm tương tự trong nước và ở ngoài nước	5
4. Tính hợp lý của quy mô Dự án	5
<i>II. Tính khả thi của phương án triển khai Dự án</i> (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 16 của Thuyết minh dự án)	<u>20</u>
5. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện	5
6. Khả năng hợp tác, liên kết giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	5
7. Tính hợp lý, đầy đủ, xác thực của phương án tài chính	5
8. Khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi (đầy đủ, đúng hạn,...)	5

III. Đầu tư và lợi ích trực tiếp của Dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ phần III, các mục 16.2, 13.2 và 13.3 của Thuyết minh dự án)	<u>20</u>
9. Tính hợp lý của tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án so với kết quả dự kiến tạo ra	5
10. Tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học để thực hiện Dự án	5
11. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách so với kết quả và mục đích đầu tư, tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện Dự án	5
12. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại (kinh tế, việc làm, đào tạo cán bộ,...)	5
IV. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của Dự án sau khi kết thúc (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.5 và mục 16.3 của Thuyết minh dự án)	<u>20</u>
13. Tính xác thực của dự báo nhu cầu, đánh giá khả năng cung ứng trên thị trường đối với sản phẩm tạo ra của Dự án;	5
14. Tính cụ thể và khả thi của phương án tiêu thụ sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án	5
15. Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (giá thành, chất lượng,...)	5
16. Khả năng chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án, tự tổ chức SX-KD, thành lập doanh nghiệp KHCN	5
V. Năng lực thực hiện Dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.4, 16 và phần III của Thuyết minh dự án và các bản Lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính Dự án)	<u>20</u>
17. Năng lực, uy tín về nghiên cứu KH&CN và kinh nghiệm, năng lực tổ chức, quản lý của cá nhân chủ trì Dự án	5
18. Năng lực của các cá nhân tham gia chính thực hiện Dự án (trình độ, kinh nghiệm, thời gian thực tế có thể tham gia)	5
19. Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và các tổ chức phối hợp chính (khả năng huy động cơ sở vật chất, nhân lực, ...)	5
20. Đánh giá chung về tính hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh Dự án	5
Tổng cộng	100

Điều 15. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

1. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong Hồ sơ; nhận xét đánh giá mặt mạnh, mặt yếu và đánh giá chung từng Hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định, viết nhận xét - đánh giá và luận giải cho việc đánh giá và cho điểm theo các tiêu chí tại các biểu mẫu quy định và gửi thư ký Chương trình (đối với các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình) hoặc thư ký hành chính (đối với các nhiệm vụ KHCN độc lập) trước khi họp Hội đồng.

2. Hội đồng phân công 02 thành viên am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KHCN làm phản biện nhận xét và đánh giá tất cả các Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn đối với nhiệm vụ KHCN theo các tiêu chí tại các biểu mẫu quy định. Khi cần thiết, Hội đồng kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Ban chủ nhiệm Chương trình đối với các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình) mời các chuyên gia ở ngoài Hội đồng có am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu nhiệm vụ KHCN làm phản biện nhận xét về toàn bộ Hồ sơ và đánh giá các Hồ sơ.

Thành viên Hội đồng và chuyên gia bên ngoài Hội đồng làm phản biện sau đây gọi chung là chuyên gia phản biện.

3. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và phải có mặt đủ các chuyên gia phản biện.

4. Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp Hội đồng. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp của Hội đồng. Hội đồng cử Thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến về chuyên môn của các thành viên và các kết luận của Hội đồng trong các biên bản làm việc và các văn bản liên quan của Hội đồng.

5. Các thành viên của Hội đồng chấm điểm độc lập theo các nhóm chỉ tiêu đánh giá và thang điểm quy định. Trước khi chấm điểm Hội đồng thảo luận chung để thống nhất quan điểm, phương thức cho điểm đối với từng tiêu chí.

Điều 16. Trình tự làm việc của Hội đồng

Hội đồng làm việc theo 2 kỳ họp

1. Kỳ họp thứ nhất: Hội đồng thống nhất phương thức làm việc

1.1. Thư ký Chương trình (đối với các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình), hoặc Thư ký hành chính (đối với các nhiệm vụ KHCN độc lập) đọc Quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

1.2. Đại diện Ban Chủ nhiệm Chương trình (đối với các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình) hoặc Đại diện Bộ KH&CN (đối với các nhiệm vụ KHCN độc lập) nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc tuyển chọn, xét chọn Đề

tài, Dự án SXTN của Quy định này.

1.3. Thư ký Chương trình (đối với các nhiệm vụ KHCCN thuộc Chương trình) hoặc Thư ký hành chính (đối với các nhiệm vụ KHCCN độc lập) đọc Biên bản mở Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn (Phụ lục I - Biểu B2-1-BBHSTC), thông báo số lượng và danh mục Hồ sơ đủ điều kiện được Hội đồng đưa vào xem xét đánh giá theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.

1.4. Hội đồng thảo luận trao đổi để quán triệt nguyên tắc, quy trình và các tiêu chí đánh giá, thang điểm và cách chấm điểm các Hồ sơ theo Quy định này.

1.5. Các thành viên Hội đồng nhận Hồ sơ và chuẩn bị ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản theo các biểu mẫu tương ứng sau đây của Phụ lục II:

- Biểu B2 -2-PNXĐT đối với Đề tài KHCCN;

- Biểu B2 -2-PNXDA đối với Dự án SXTN.

1.6. Hội đồng thống nhất ngày họp tiếp theo để đánh giá tuyển chọn, xét chọn các Hồ sơ.

2. Kỳ họp thứ hai: Hội đồng tiến hành đánh giá tuyển chọn, xét chọn Hồ sơ

2.1. Trình bày ý kiến phản biện về nhận xét đánh giá Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn Đề tài, Dự án SXTN.

- Các chuyên gia phản biện đánh giá, phân tích từng Hồ sơ; đánh giá nhận định chung về mặt mạnh, mặt yếu của từng Hồ sơ và so sánh giữa các Hồ sơ đăng ký tuyển chọn cùng một (01) Đề tài, Dự án SXTN theo các tiêu chí quy định tại Biểu B2-2-PNXĐT đối với Đề tài KHCCN và Biểu B2 -2-PNXDA đối với Dự án SXTN.

- Hội đồng có thể nêu câu hỏi đối với các chuyên gia phản biện về từng tiêu chí đánh giá liên quan đến từng Hồ sơ.

- Sau khi trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng, các chuyên gia phản biện không là thành viên Hội đồng không tiếp tục dự phiên họp đánh giá tuyển chọn, xét chọn của Hội đồng.

- Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng nghiên cứu, tham khảo.

2.2. Hội đồng thảo luận, đánh giá Hồ sơ

a) Hội đồng trao đổi, thảo luận từng Hồ sơ theo các tiêu chí đánh giá đã được quy định, nhận xét đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của từng Hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định và đánh giá so sánh giữa các Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn cho cùng một (01) nhiệm vụ KHCCN.

b) Sau khi trao đổi các thành viên Hội đồng cho điểm độc lập theo các tiêu chí và thang điểm quy định tại các biểu mẫu tương ứng sau của Phụ lục III:

- Biểu B2 -3-PTCĐT (Phần I và Phần II) đối với Đề tài KHCN;
- Biểu B2 -3-PXCDA đối với Dự án SXTN.

2.3. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên Hội đồng (trong đó bầu một trưởng ban). Các thư ký của Chương trình hoặc thư ký hành chính có trách nhiệm giúp Ban kiểm phiếu làm việc.

Hội đồng bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng Hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu kín. Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu thực hiện theo đúng chỉ dẫn ghi trên phiếu.

2.4. Tổng hợp kết quả đánh giá tuyển chọn, xét chọn

a) Ban kiểm phiếu tổng hợp và báo cáo Hội đồng kết quả kiểm phiếu theo Phụ lục IV - Biểu B2 -4-KPĐGTCĐT (tổng hợp riêng Phần I và Phần II) đối với Đề tài KHCN và Biểu B2 -4-KPĐGXCA đối với Dự án SXTN.

b) Hội đồng xếp hạng các Hồ sơ có tổng số điểm đánh giá từ cao xuống thấp theo các biểu tại Phụ lục V (Biểu B2 -5 -THĐGTCĐT đối với Đề tài và Biểu B2 -5-THĐGXCA đối với Dự án SXTN) với các điều kiện sau đây:

b.1. Đối với Đề tài:

- Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí trong Phần I đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm và phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm từ 3 trở lên. Hội đồng xếp hạng các Hồ sơ đăng ký có tổng số điểm đánh giá của Phần I và Phần II từ cao xuống thấp.

- Đối với các Hồ sơ có tổng số điểm đánh giá của Phần I và Phần II bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng.

Trường hợp điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt) đối với các Hồ sơ cũng giống nhau, Hội đồng xếp hạng bằng nhau và kiến nghị về phương án lựa chọn.

b.2 Đối với Dự án SXTN:

- Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí phải đạt từ 65/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm và phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm từ 3 trở lên.

- Đối với các Hồ sơ có tổng số điểm đánh giá bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng.

Trường hợp điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt) đối với các Hồ sơ cũng giống nhau, Hội đồng xếp hạng bằng nhau và kiến nghị về phương án lựa chọn.

2.5. Hội đồng thông qua Biên bản về kết quả làm việc của Hội đồng, kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì Đề tài, Dự án SXTN:

a) Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có Hồ sơ được xếp hạng với điểm cao nhất tại điểm 2.4.b.1 (đối với Đề tài) và 2.4.b.2 (đối với Dự án SXTN) khoản 2 Điều này.

b) Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị những điểm bổ sung, sửa đổi cần thiết đối với từng phần đã nêu trong Thuyết minh Đề tài hoặc Thuyết minh Dự án SXTN, các sản phẩm KH & CN chính với những chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật tương ứng phải đạt và kiến nghị về kinh phí cho việc thực hiện Đề tài, Dự án SXTN hoặc nêu những điểm cần lưu ý để hoàn thiện Hồ sơ của tổ chức và cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển.

c) Hội đồng xây dựng Biên bản làm việc theo mẫu tại Phụ lục VI - Biểu B2- 6-BBHĐTC gửi Ban Chủ nhiệm Chương trình (đối với các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình) hoặc gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với các nhiệm vụ KH&CN độc lập).

3. Lưu giữ Hồ sơ gốc

Khi kết thúc quá trình tuyển chọn, xét chọn, thư ký Chương trình, thư ký hành chính của Hội đồng có trách nhiệm nộp bộ Hồ sơ gốc (kể cả Hồ sơ trúng tuyển và Hồ sơ không trúng tuyển) để lưu tại Phòng Lưu trữ, Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ.

CHƯƠNG IV PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN

Điều 17. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, xét chọn

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình, Ban Chủ nhiệm Chương trình tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng và có ý kiến nhận xét cụ thể đối với hồ sơ được đề nghị trúng tuyển của từng nhiệm vụ KH&CN (đồng ý hoặc không đồng ý, nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý) gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Các vụ chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ xử lý, tổng hợp kết quả tuyển chọn, xét chọn để trình Bộ trưởng phê duyệt danh mục nhiệm vụ trúng tuyển của các chương trình.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp nhà nước, các vụ chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm xử lý, tổng hợp kết quả tuyển chọn, xét chọn trình Bộ trưởng phê duyệt.

3. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ có thể kiểm tra hoặc đề nghị Ban Chủ nhiệm Chương trình kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức được đề nghị trúng tuyển trước khi phê duyệt.

4. Kết quả tuyển chọn, xét chọn sau khi phê duyệt được thông báo đến các tổ chức, cá nhân trúng tuyển, cơ quan chủ quản của tổ chức trúng tuyển và công bố trên Báo Khoa học và Phát triển, trên các trang tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (<http://www.most.gov.vn/>; <http://www.tchdkh.org.vn/>; <http://www.vista.gov.vn/>):

a) Ban Chủ nhiệm Chương trình phối hợp với Văn phòng các Chương trình thực hiện việc thông báo đối với Đề tài, Dự án SXTN thuộc các Chương trình;

b) Các vụ chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thông báo đối với Đề tài, Dự án SXTN độc lập.

5. Tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ trúng tuyển theo kết luận của Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn trước khi thẩm định nội dung và kinh phí để Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và bố trí kế hoạch thực hiện.

CHƯƠNG V

XỬ LÝ VI PHẠM

TRONG TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN

Điều 18. Xử lý vi phạm trong tuyển chọn, xét chọn

1. Cán bộ công chức, viên chức (kể cả cán bộ hợp đồng), thành viên Ban chủ nhiệm Chương trình vi phạm các quy định về tuyển chọn, xét chọn sẽ bị xử lý theo các quy định của Pháp lệnh công chức, viên chức và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn, xét chọn kê khai thông tin không trung thực trong Hồ sơ làm sai lệch kết quả đánh giá thì kết quả tuyển chọn, xét chọn bị huỷ bỏ và bị xử lý theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Thành viên Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn đánh giá thiếu khách quan, công bằng, trung thực, vi phạm nguyên tắc giữ bí mật của thông tin thì không được mời tham gia các Hội đồng KH&CN và bị xử lý theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với các quyết định hành chính và hành vi hành chính của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan đến việc tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án SXTN.

2. Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án SXTN.

3. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Vận dụng Quy định

Cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vận dụng Quy định này để xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành Quy định về tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ KH&CN thuộc phạm vi quản lý.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

Việc sửa đổi bổ sung Quy định này do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, điều chỉnh.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Lê Đình Tiến